

Say the following sentences:

1. píng guǒ duō shǎo qián  
苹果多少钱?

2. xiāng jiāo duō shǎo qián  
香蕉多少钱?

3. wǒ yào cǎo méi  
我要草莓。

4. mā ma yào xī guā  
妈妈要西瓜。

yummy!



Match the meaning:

píng guǒ duō shǎo qián  
苹果多少钱?

Dad wants watermelon.

wǒ yào chéng  
我要橙。

I want orange.

bà ba yào xī guā  
爸爸要西瓜。

How much for apple?

píng guǒ wǔ kuài  
苹果五块。

Apple for \$5.